TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **231**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07/11/2019
"V/v: Kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1- Ông **Hoàng Văn Bốn.**

2-Bà **Dương Thị Ninh.**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Nguyễn Diệu Thương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà **Vũ Phương Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27/6/2019 về việc "*Kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/10/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa và đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản làm việc ngày 28/10/2019, nguyên đơn chị Cao Thị N trình bày:***

Ngày 12/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 236/2018/QĐST-HNGĐ, theo nội dung quyết định nêu trên đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị (Cao Thị N) với anh Lê Văn T, đồng thời quyết định đã công nhận sự thỏa thuận giữa chị và anh T về phần con chung cụ thể như sau: "*Giao con chung là Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh năm 2010 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Cao Thị N không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh Lê Văn T. Chị Cao*

Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi ly hôn". Nhưng từ sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, anh T có hành vi cản trở, ngăn cấm không cho chị đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung là cháu Lê Thị Kiều Trang và cháu Lê Thị Thanh Tâm, nhiều lần chị đề nghị anh T được đón các cháu về nhà ông bà ngoại chơi nhưng anh T không nhất trí cho đón các cháu; đồng thời khi chị đến nhà bố mẹ đẻ anh T để thăm các cháu thì bị ông bà nội xua đuổi không cho chị gặp các cháu, chị có mua quà và đồ dùng, quần áo gửi cho các cháu thì bố mẹ anh T mắng chửi chị và không cho các con của chị nhận quà. Hiện nay anh T đang đi làm thuê tại thành phố Hà Nội ít thời gian về nhà, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc cho các cháu, chủ yếu các cháu ở cùng ông bà nội nên điều kiện về tinh thần, vật chất của các cháu không bảo đảm.

Hiện nay chị đang làm vườn và phụ giúp thêm gia đình làm dịch vụ ăn uống, ngoài ra chị còn đi làm thêm bên ngoài (làm hợp đồng phụ việc gia đình) với mức lương thu nhập ổn định, thường xuyên là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)/tháng. Chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị là ông Cao Văn P và bà Trần Thị H tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đầy đủ điều kiện tốt nhất để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu.

Nay chị Cao Thị N đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh ngày 14/10/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh ngày 26/9/2010 đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại biên bản ghi lời khai và biên bản làm việc ngày 28/10/2019, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:***

Trước đây anh và chị Cao Thị N là vợ chồng, ngày 12/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 236/2018/QĐST-HNGĐ, theo nội dung quyết định nêu trên đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị N với anh (Lê Văn T), đồng thời quyết định đã công nhận sự thỏa thuận giữa chị và anh T về phần con chung cụ thể như sau: "*Giao con chung là Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh năm 2010 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Cao Thị N không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh Lê Văn T. Chị Cao Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi ly hôn"*. Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, anh thường xuyên đi làm ăn xa tại Thành phố Hà Nội ít khi về nhà trực tiếp trông nom, chăm sóc các con chung; việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung chủ yếu do bố mẹ đẻ anh thực hiện; anh vẫn cho chị N đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung; chị N vẫn thường xuyên đi lại thăm nom các cháu bình thường, nhưng vì anh thường xuyên đi làm ăn xa nên mỗi lần chị N đến thăm các cháu tại gia đình bố mẹ đẻ của anh thì chị N có bị bố mẹ đẻ của anh xua đuổi, cản trở, ngăn cấm không cho chị gặp các con hay không thì anh không biết.

Về điều kiện vật chất, thu nhập của anh T: Thu nhập chính của anh T là làm ruộng, thi thoảng anh đi làm xây hoặc phụ hồ nhưng thu nhập không thường xuyên, không ổn định. Vì điều kiện kinh tế không ổn định nên hiện nay anh T đang đi làm thuê tại Thành phố Hà Nội, ít có thời gian về thăm gia đình và chăm sóc các cháu, thu nhập từ việc làm thêm của anh T cũng không thường xuyên, không ổn định.

Anh T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Nam, anh nhất trí giao các con chung là cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh ngày 14/10/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh ngày 26/9/2010 cho chị Cao Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N và anh T cùng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N và anh T cùng giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Lê Thị Kiều Trang và cháu Lê Thị Thanh Tâm (đều là con chung của chị N, anh T): Cháu Trang và cháu Tâm cho biết trước đây các cháu có ý kiến muốn ở với bố là do bố các cháu ép phải nói như vậy. Hiện nay bố các cháu đi làm xa không có điều kiện chăm sóc các cháu nên các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ là Cao Thị N vì mẹ các cháu có điều kiện chăm sóc các cháu tốt hơn. Việc các cháu muốn ở với mẹ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Về nơi ĐKHKTT của bị đơn anh Lê Văn T, trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Trước đây anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Quang Thái 3, xã Thái Hòa. Đến ngày 14/6/2019 thôn Quang Thái 3 và thôn Quang Thái 1 sáp nhập thành thôn Quang Thái nên hiện nay anh Lê Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Quang Thái, xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc " *Kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên toà sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Cao Thị N, giao cháu cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh ngày 14/10/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh ngày 26/9/2010 cho chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Cao Thị Nam có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết được nuôi con chung với anh Lê Văn T nên xác định đây là vụ án tranh chấp về "Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 3 (nay đã sáp nhập địa giới hành chính thành thôn), xã, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự*: Nguyên đơn chị Cao Thị N chấp hành đúng các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên bị đơn anh Lê Văn T không chấp hành các quy định của pháp luật. Anh T xác định đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc nên việc mở phiên họp để hoà giải vụ án cũng không tiến hành được. Căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, chị Cao Thị N và anh Lê Văn T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Ngày 12/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 236/2018/QĐST-HNGĐ, theo nội dung quyết định nêu trên đã công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị N với anh T về việc giao con chung là Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh năm 2010 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Cao Thị N không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh Lê Văn T. Chị Cao Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, anh T không thường xuyên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Trang và cháu Tâm, anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà để các cháu ở nhà cho bố mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc là không bảo đảm về đời sống tinh thần và vật chất cho các cháu; đồng thời mỗi lần chị N đến thăm nom, chăm sóc và đưa các cháu đi chơi thì gia đình anh T luôn có hành vi ngăn cấm, cản trở việc chị N thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy việc chị Cao Thị N khởi kiện đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh năm 2010 đến khi trưởng thành là có căn cứ.

Tại biên bản làm việc ngày 28/10/2019 chị Cao Thị N và anh Lê Văn T đã tự nguyện thỏa thuận, anh Lê Văn T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Nam, anh T nhất trí giao các con chung là cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh ngày 14/10/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh ngày 26/9/2010 cho chị Cao Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N, anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai ngăn cấm; Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của chị Cao Thị N và anh Lê Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị N việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn đối với anh Lê Văn T.

- Giao cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh ngày 14/10/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh ngày 26/9/2010 cho chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lê Văn T có trách nhiệm giao cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh ngày 14/10/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tâm, sinh ngày 26/9/2010 cho chị Cao Thị N nuôi dưỡng khi chị N có yêu cầu. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N. Anh Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm. Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Phần quyết định này có hiệu lực thi hành và thay thế cho phần quyết định về con chung tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 236/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Cao Thị N không phải nộp tiền án phí, trả lại cho chị Cao Thị N số tiền đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002169, ngày 27/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị N và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức;
- UBND xã Thái Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng